



Tình yêu giữa công nữ Ngọc Hoa và Araki Sotaro
được Châu Ân thuyền se duyên

— 朱印船が結んだ玉華姫と荒木宗太郎の恋 —



Vở Opera kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam – Nhật Bản

日越外交関係樹立50周年記念 新作オペラ

Công nữ Anio

Công diễn 3 buổi

Ngày 22 (Thứ 6), 23 (Thứ 7), 24 (Chủ Nhật) Tháng 9 Năm 2023
tại Nhà hát Lớn Hà Nội!

2023年9月22日(金)・23日(土)・24日(日) 世界初演3公演開催決定! ハノイオペラハウスにて

Số tháng 5/2023 / 2023年5月号

— Đơn vị tổ chức /主催 —

— Đơn vị đồng hành Bạch Kim /プラチナパートナー —



Mở đầu

はじめに

Về Dự án Opera “Công nữ Anio”

新作オペラ「アニオー姫」プロジェクトとは

Câu chuyện tình yêu giữa nàng công nữ Việt Nam và chàng thương nhân Nhật Bản được lưu truyền ở hai quốc gia

Araki Sotaro là một thương nhân Châu Âu thuyền vào đầu thế kỷ 17, anh đã đi từ Nagasaki đến Đàng Trong (nay là miền Trung Việt Nam). Nhận được sự tin tưởng của chúa Nguyễn, anh được chúa đồng ý gả công nữ Ngọc Hoa về làm vợ. Sau đó, Sotaro đã đón công nữ Ngọc Hoa đến Nagasaki. Tại đây, nàng được người dân Nagasaki yêu mến gọi với cái tên “Anio san”, và trải qua suốt quãng đời còn lại sinh sống tại Nagasaki. Ngày nay, lễ rước kiệu đón công nữ Anio vẫn tiếp tục được tái hiện trong phân cảnh “Châu Âu thuyền” được tổ chức 7 năm một lần tại lễ hội “Nagasaki Kunchi” ở Nagasaki.

Vở opera lấy mô típ từ câu chuyện có thật trong lịch sử giao lưu và hữu nghị giữa Việt Nam – Nhật Bản có từ thời xa xưa, mô tả mối quan hệ kính trọng lẫn nhau giữa hai quốc gia đã có từ thời đại này. Nhân dịp kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam – Nhật Bản, vở opera này sẽ được truyền bá ra thế giới với mục đích lưu truyền câu chuyện đến thế hệ mai sau như một minh chứng cho mối quan hệ ngoại giao tốt đẹp giữa hai quốc gia.

両国で語り継がれるベトナムの姫と日本の商人との愛の物語

荒木宗太郎は17世紀初頭の御朱印貿易商で、長崎から広南国（現在のベトナム中部）へ赴き、国王から信頼を得て王女・玉華姫と結婚しました。宗太郎は玉華姫を長崎に迎え、姫は長崎の人々から「アニオーさん」として親しまれ、生涯を長崎で過ごしたのです。アニオー姫の興入れの様子は、今も長崎の祭事「長崎くんち」において、7年に1度「御朱印船」の演目で再現され続けています。本オペラではこの史実をモチーフに、日越の友好と交流の歴史は古よりあり、その頃から互いを尊敬しあえる関係であったことを描いています。日越外交関係樹立50周年を記念し、このオペラ作品が両国において良き外交関係のシンボルとして末長く未来へと語り継がれていくことを目指し世界に発信いたします。

Lời chào

ご挨拶



Cố vấn danh dự Dự án

Yamada Takio

(Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Nhật Bản tại Việt Nam)

プロジェクト名誉顧問

山田 滝雄

(在ベトナム日本国大使館 特命全権大使)

Tôi xin gửi lời chúc mừng chân thành nhân dịp ra mắt Dự án Opera “Công nữ Anio” (Công nữ Ngọc Hoa).

Trên cương vị Đại sứ, tôi cảm thấy Nhật Bản và Việt Nam có sự gắn kết lâu đời bắt nguồn từ quá khứ xa xưa. Đặc biệt, vào thời kỳ thương mại Châu Âu thuyền phát triển rực rỡ cách đây 400 năm, khi việc đi lại và giao thương giữa Nhật Bản và Việt Nam diễn ra tấp nập, hai nước đã là đối tác thân thiết bình đẳng của nhau.

Không bao lâu sau đó, trước những biến động dữ dội của thời đại, Nhật Bản và Việt Nam đã đi theo những con đường phát triển riêng. Tuy nhiên, những năm gần đây, hai nước đã gặp lại nhau trên con đường phát triển và cùng khẳng định sự gắn kết bền chặt đến mức có thể nói rằng quan hệ hai nước đang ở vào giai đoạn tốt đẹp nhất trong lịch sử.

Tôi hy vọng rằng, vở opera này sẽ trở thành một dấu ấn kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Nhật Bản – Việt Nam, giúp chúng ta hồi tưởng về quá khứ của Nhật Bản và Việt Nam, thắt chặt hơn nữa sự gắn kết của nhân dân hai nước trong tương lai.

新作オペラ「アニオー姫」プロジェクトの立ち上げを心からお祝い申し上げます。

大使として在勤し、日本とベトナムとの間には、遙か昔から続いている長い歴史的なつながりがあることを感じるところです。特に、400年前の朱印船貿易華やかなりし頃は、日本とベトナムの間で多くの人や文物が行き交い、両国はまさに対等なパートナーでした。やがて、時代の荒波が押し寄せ、日本とベトナムはそれぞれの道を歩むことになりましたが、近年、再び道が交差し、史上最良の二国間関係と言われるまでの絆を確かめあうに至りました。このオペラが、日越外交関係樹立50周年を記念し、日本とベトナムの来し方を想い、次の世代の絆を更に固くするものになることを期待しております。

Lời chào

ご挨拶



Đại diện Dự án

Honna Tetsuji

(Giám đốc Âm nhạc kiêm Chỉ huy chính của Dân nhạc Giao hưởng Việt Nam)

プロジェクト代表

本名 徹次

(ベトナム国立交響楽団 音楽監督兼首席指揮者)

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến chính phủ Việt Nam, chính phủ Nhật Bản, cùng các doanh nghiệp và các tổ chức đã hỗ trợ cho Dự án Opera “Công nữ Anio”, nhằm hiện thực hóa buổi công diễn vở opera này. Tôi cũng muốn bày tỏ lòng biết ơn khi may mắn có được cơ hội tham gia sản xuất vở opera mang mô típ từ sự kiện lịch sử tuyệt vời đã có từ 400 năm trước và được hai quốc gia Nhật – Việt cùng hợp tác sản xuất nhân dịp kỷ niệm 50 năm thiết lập mối quan hệ ngoại giao Việt Nam – Nhật Bản. Vì vậy, cùng với các thành viên khác trong Dự án, chúng tôi sẽ nỗ lực để tạo nên một tác phẩm được lưu truyền trong tương lai, suốt 50 năm hay 100 năm về sau. Hy vọng vở opera này sẽ giúp đóng góp vào sự phát triển của nền âm nhạc hai quốc gia và thúc đẩy tình hữu nghị song phương. Tôi mong rằng Dự án sẽ được nhiều người biết đến và nhận được sự đón nhận nồng nhiệt từ tất cả mọi người.

新作オペラ「アニオー姫」プロジェクト世界初演に向け、日越政府はじめ、多くの企業・団体の皆様からのご支援に厚く御礼申し上げます。日越外交関係樹立50周年という年に、両国共同で、しかも400年前に実際にあった素敵な史実をモチーフとして、オリジナルオペラ制作に取り組めるこの幸運に感謝申し上げます。今後、50年、100年と未来に語り継がれる作品となりますよう、ご縁を戴いた皆様とともに創り上げてまいります。このオペラが、両国の音楽のさらなる発展と友好促進の一助となれば幸いです。ぜひ多くのかたがたに知って頂きたく、皆さまからの熱いご声援・応援をお願い致します。

Nhân vật xuất hiện

主な登場人物

• Công nữ Anio : Soprano

Con gái nuôi của chúa Nguyễn xứ Đàng Trong, được gọi là công nữ Ngọc Hoa. Khi còn nhỏ thường cải trang nam để trốn khỏi phủ. Nàng công nữ có tính cách chính trực, ý chí mạnh mẽ, ủng hộ công lý và có trái tim nhân hậu.

• Araki Sotaro : Tenor (hoặc High-Baritone)

Thuyền trưởng của thuyền Châu Ân “Araki-sen”. Trước đây anh là một samurai. Một thuyền viên đặt vận mệnh cuộc đời vào việc giao thương với xứ Đàng Trong. Anh được chúa Nguyễn yêu mến, tin tưởng ở cả tính cách lẫn tài năng, và được chúa ban cho cái tên Nguyễn Thái Lang.

• Yasu : Soprano

Con gái của công nữ Anio và Sotaro. Sinh ra tại Nagasaki, Nhật Bản. Áp ủ giấc mơ được đặt chân đến xứ Đàng Trong, quê hương của mẹ Anio.

• Chúa Nguyễn Phúc Nguyên : Baritone

Chúa Nguyễn của xứ Đàng Trong. Kế vị vào năm 1613. Vị chúa anh minh, gây dựng chính quyền, cải tổ, củng cố, dốc sức bảo vệ lãnh thổ bằng cách cho xây dựng lũy phòng thủ vững chắc. Từ lúc còn trẻ, chúa đã đào sâu hiểu biết bằng việc che giấu thân thế để đi thị sát cuộc sống của người dân.

• Chính phi : Mezzo-Soprano (hoặc Alto)

Chính phi của chúa Nguyễn ở xứ Đàng Trong. Một người mẹ hiền hậu, luôn nguyện cầu cho hạnh phúc của công nữ Anio.

• アニオー姫 : Soprano

ダンチョン ゴック・キア
広南国王の娘、玉華姫。子供の頃はおてんばで、男の子の格好をしてよく王宮を抜け出した。正義感が強く心優しい王女。

• 荒木 宗太郎 : Tenor (or High-Baritone)

朱印船「荒木船」船長。元武士、広南国との商いに命を懸ける船乗り。その人柄と手腕を認められ、国王から阮太郎と名を賜る。

• 家須 : Soprano

マス
アニオー姫と宗太郎の娘。日本長崎で生まれる。いつか母の故郷広南国に行くことを夢見ている。

• グエン王 : Baritone

ダンチョン
広南国の王。1613年即位。善政を敷き強固な城壁を張り巡らせ守りに徹した賢王。若き頃から世を忍ぶ仮の姿で市井の人々の暮らしぶりを視察するなど、見識を深めていた。

• お后 : Mezzo-Soprano (or Alto)

ダンチョン
広南国の王妃。アニオー姫の幸せを願う優しい母。

Câu chuyện

物語

Màn 1 | 第1幕



Picture of Araki Sotaro's Foreign Cruise Ship.
Collection from the Museum of Maritime Science.

Trong chuyến hành trình vượt biển Đông để đi đến Đàng Trong (nay là miền Trung Việt Nam), thương nhân Châu Ấn thuyền Araki Sotaro cùng với các thuyền viên đã bị cuốn vào một cơn bão lớn.

Khi cơn bão qua đi, các thuyền viên bất ngờ phát hiện một con thuyền gặp nạn đang trôi dạt. Trên chiếc thuyền ấy có người đang bị ngất.

Trên chiếc thuyền gặp nạn là 4 đứa trẻ nhỏ. Sotaro đưa những chén cháo ấm nóng cho những đứa trẻ còn đang căng thẳng và sợ hãi, anh ân cần bắt chuyện với chúng bằng vốn tiếng Đàng Trong ít ỏi của mình. Một trong những đứa trẻ là công nữ Ngọc Hoa đã nhớ được tên của Sotaro, cô bé đã nhờ anh dạy cho mình từ “ARIGATO (Cảm ơn)” bằng tiếng Nhật để bày tỏ lòng biết ơn.

朱印船貿易商・荒木宗太郎は仲間と共に広南（現在のベトナム中部）を目指し南シナ海を航海中、大嵐に巻き込まれてしまう。嵐の後、船員たちが漂流する難破船を発見。船上には乗組員が倒れている。

難破船に乗っていたのは、年端もいかない子供たち4名。憔悴しおびえる彼らに温かい粥を与え、片言の広南の言葉で優しく語りかける宗太郎。子供たちの一人、玉華姫は宗太郎の名前を覚え、感謝の気持ちを表す日本語「ARIGATO」の言葉を教えてもらう。

Màn 2 | 第2幕

Tại Đàng Trong vào 10 năm sau. Sotaro đang dạy cho viên lính trưởng cách sử dụng kiếm Nhật. Những người xung quanh vỗ tay hô hào, khen ngợi những đường múa kiếm điêu luyện của anh. Trong lúc đó, từ đằng xa bên ngoài phố cảng bỗng nhiên có một tiếng hét lớn.

Do lỗi sơ suất của người quản tượng tập sự, một con voi trong đàn đã nổi con thịnh nộ, gây nên náo loạn tại phố cảng. Thấy thế Sotaro đã lao vào giúp đỡ. Tuy nhiên, Sotaro gần như sắp bị con voi giẫm bẹp, lúc này anh hoàn toàn tuyệt vọng và bất lực. Trong phút chốc, bỗng nhiên có tiếng sáo cùng giai điệu du dương vang vọng lại bên cảng, giúp trấn tĩnh con voi. Chính công nữ Ngọc Hoa đã cứu nguy tình thế khó khăn lúc bấy giờ.

Sotaro bày tỏ lòng biết ơn công nữ. Thông qua từ “ARIGATO” mà hai người đã nhớ ra cuộc gặp gỡ trên biển trước đây, họ nhận ra rằng đây chính là cuộc tái gặp gỡ của phép màu, và họ chính là định mệnh của nhau.

Mặt khác, chúa Nguyễn vô cùng đắn đo về việc phải gả con gái yêu quý của mình đến một đất nước xa xôi. Nhưng trước sự cương quyết của cả hai cùng với những lời bày tỏ yêu thương của công nữ, cuối cùng chúa cũng đã cho phép hai người lấy nhau.

Lễ cưới long trọng bắt đầu. Chính phi đã nhắn nhủ với công nữ Ngọc Hoa rằng “Dù đi đến đâu đi nữa, con hãy nghe theo con tim của mình, hãy sống một cuộc đời đúng nghĩa và tận hưởng một cuộc sống tuyệt đẹp con nhé!”, và tặng cho công nữ một “chiếc gương” làm quà cưới mang về nhà chồng. Hai người hướng về Nagasaki, trên đường đi niềm hy vọng vào một cuộc sống mới của cả hai ngày càng dâng trào.



Mirror from Vietnam, owned by Lady Araki Sotaro.
Collection from the Nagasaki Museum of History and Culture.



10年後の広南。宗太郎は兵長に日本刀の使い方の指南をしている。見事な刀さばきに周りの人たちが大喝采！その時、町の外れから叫ぶ声が。

見習いの象使いのミスで一頭の象が暴れ出し、港町は大騒ぎに。助けに入る宗太郎。だが、象に踏みつけられそうになり絶対絶命のピンチに！その瞬間、笛の音と美しい調べが船着場に響き渡り、象が落ち着きを取り戻す。玉華姫が窮地を救ったのだ。

宗太郎はお礼の言葉を述べる。二人は「ARIGATO」という言葉で洋上での出会い出し、再会の奇跡と互いの運命を確かめ合うことに。

一方、国王は愛娘を遠い異国へ嫁がせる決断ができていない。しかし二人の固い決意とお妃の慈しみの言葉を受け、王はついに二人の結婚を許す。

盛大な婚礼の儀が始まる。お后は「凛として、どこに行っても自分の心に従って正しく美しく人生を謳歌しなさい」と姫に語りかけ、嫁入り道具として「鏡」を贈る。二人は新生活への期待に胸を膨らませながら、長崎へと向かう。

Màn 3 | 第3幕

Sotaro và công nữ Ngọc Hoa đã sinh được một cô con gái (Yasu), công nữ được người dân Nagasaki yêu mến gọi với cái tên “Anio-san” và trải qua quãng thời gian hạnh phúc tại Nagasaki.

Tuy nhiên, khi lệnh bế quan tỏa cảng được ban hành, Sotaro vô cùng đau buồn vì không thể đưa công nữ Anio và con gái trở về gặp chúa và chính phi, và anh cũng không thể tiếp tục chuyến hành trình đi biển được nữa.

宗太郎と玉華姫は一女(家須)を授かり、長崎の人々から「アニオーさん」と親しまれながら幸せな時間を送っていた。しかし、鎖国が通達されると、宗太郎はアニオー姫や娘を国王夫妻に会わせることも、海に出ることもできなくなり悲嘆に暮れる。

Màn 4 | 第4幕

Trong khi lệnh bế quan tỏa cảng vẫn chưa được gỡ bỏ thì Sotaro đã ra đi mãi mãi. Công nữ Anio tâm tình khúc “Anh ơi” về những kỷ niệm với Sotaro, bày tỏ lòng biết ơn sâu tận đáy lòng đối với Sotaro khi anh xuất hiện trong giấc mơ của nàng. Trong giấc mơ, Sotaro đã xoa dịu nỗi đau buồn của công nữ, dịu dàng an ủi và động viên nàng. Mặc dù công nữ Anio buồn vì không thể trở về quê hương, tuy nhiên nàng vẫn thề nguyện sẽ tiếp tục sống ở Nagasaki.

Và rồi chẳng mấy chốc cũng đã đến lúc công nữ Anio sắp phải ra đi, nàng kể cho con gái Yasu về những kỷ ức với Sotaro, và khẽ trút hơi thở cuối cùng. Yasu đã nói với người dân rằng “Chúng ta hãy cùng tổ chức lễ hội để lưu truyền trên cõi đời câu chuyện về tình yêu của họ, cho đến ngày người dân hai quê hương có thể đi về, gặp gỡ lẫn nhau!”. Và rồi những suy nghĩ của viên quan bugyo cùng với người dân thị trấn cứ thế tiếp nối nhau tạo thành một đại hợp xướng, chào đón kết thúc của vở kịch.

鎖国が解けぬまま、宗太郎は帰らぬ人に。アニオー姫は、宗太郎との思い出や感謝を胸に、夢枕に立つ宗太郎に「アイン・オーイ」と語りかける。悲嘆のアニオー姫を受止め、優しく励ます夢枕の宗太郎。アニオー姫は故郷に帰れないことを悲しみながらも、長崎で生きていくことを誓う。

やがてアニオー姫が最期の時を迎えると、娘・家須に宗太郎との思い出を語りながら静かに息を引き取る。家須は「二人が愛し合った物語をお祭りにしてこの地に残しましょう。互いの故郷に再び行き来できるその日まで」と語る。奉行や長崎の人々の想いも重って大合唱となり、大団円を迎える。



Picture Scroll of Kiyo Suwa Myojin Rituals Excerpt of a collection from the Osaka Prefectural Nakanoshima Library.

Trích từ Màn 2: Aria “Sao đành xa con?”

Bắt đầu bằng màn song ca của chúa Nguyễn và Quan khám lý về “Nỗi lòng của Chúa” .
Sau đó, chúa Nguyễn cất lên những lời ca về mâu thuẫn nội tâm của mình.

(Chúa Nguyễn)
Đức Hòa, khanh thấy thế nào?
Có thêm ý khác gì không? Cho ta nghe thêm nào?

(Quan khám lý)
Tấu Chúa, biết lòng thần,
luôn luôn hướng về đức Chúa thượng.

Cõi Nam bao năm nặng lòng
Chúa trù tính, trong ấm lòng, ngoài hợp hòa
Đề vững bền bờ cõi là kẻ hàng đầu.

Năm ấy Ngọc Vạn gả chồng ảm chốn Chân Lạp.
Sau đó Ngọc Khoa gả về vững xứ Chăm Pa.

Còn nàng công nữ tới đây hãy chọn Nhật Bản,
xử sở dôi dào bảo kiếm và tiền đồng.

Dân ấy, lòng họ rất đáng tin, giữ lòng hòa hiếu,
gây dựng lợi ích giao thương.

Họ luôn một lòng tôn kính đối với Chúa thượng,
kết thân với họ làm ta sẽ vững bền trước những sóng gió.

Xin Chúa hãy nghe thần,
vì phồn vinh của bờ cõi về lâu dài,
người bằng lòng chuẩn ý kết hợp hôn nhân này.

Thần tiến cử người thương nhân đó,
chính là kẻ được Chúa ban ân đặt cái tên.
Người cương trực, chân thành, lại hiền tài...

(Chúa Nguyễn)
Cũng là người mà ta nghĩ tới...

(Quan khám lý)
Vâng Chúa thượng,
thần vẫn thường nghe lời ngợi khen hân khắp chốn
Trong phố, ngoài phường người dân luôn quý mến hân.
Vị hôn phu này sẽ đúng ý Chúa thượng,
và sẽ giúp nối thêm chặt bao giao thương.

(Chúa Nguyễn)
Đúng là vậy,
trong lòng ta cũng biết cần làm thế nào, hiền khanh.
Không còn lo nữa...

(Aria “Sao đành xa con?”)

Lòng ta nhớ, thươu nào.
Bé thơ xinh như ngọc.
Đặt tên con, Ngọc Hoa yêu

Ấm bé con vỗ về.
Và lại nhớ con lúc thiếu niên đáng kiêu,
nét hoa mi miếu.
Nụ cười con hoa xuân xinh tươi,
một mùa xuân phơi phới.

Rồi con cũng lớn
Lúc tỉnh nghịch khác đầu nam nhi.
Trò con bày chơi, Ngọc Hoa
nào ai hay, thật quá tình nghịch.

Mà ta lại thấy mềm lòng ngay khi con yêu bên ta,
con nũng nịu cùng ta: “Con mới về thưa cha”.

Phải gả con yêu thật ư, xa ngàn xa?
Ồi lòng ta sao thấy quá đau.

Sao đành đây? Sao đành đây ?
Chỉ vì bờ cõi, sao ta nữ
Dẫu biết xa con ta đau lòng,
mà biết tính sao đây thương con vô cùng.

Hãy nhớ cha thương con muôn vàn,
mà phải mãi cách xa quan san muôn trùng.

Aa, ta ở đây không thể chấp nhận điều đó!
Thương yêu con, Ngọc Hoa.

第2幕より「葛藤のアリア」

「王様の胸中」を語る王と大臣のデュエットから始まり、
やがて王が苦悶する心の「葛藤」を歌い上げる。

(グエン王)
大臣、どうだ？
そなたの意見を聞かせてくれぬか？

(大臣)
では我が王への忠誠心ゆえ、畏れながら

領土を守るに
外へは気を張り
心は民を思いやり
王は歩んでこられました

かくして
玉万様は真臘（カンボジア）へ
玉詩様はチャンパ（ベトナム南部）へ
嫁がれましたが

お次の姫様が嫁ぐべきは日本
強力な日本刀に、豊富な銅銭

信頼できる国柄ゆえ
平和で友好的な交易関係を築くのです

我が王にも畏敬の念を抱く彼らとならば
この国は更なる荒波にも耐えられましょう

どうか私の言葉に御耳を傾けてください
豊かな国の行く末のため、お許し下さいこの婚礼を

あの商人との婚礼を！
国王御自ら、名前を与えられたほどの男
正直者で義理堅く
徳も才も兼ね備えた...

(グエン王)
余も考えている者...

(大臣)
はい、王様
かの者はあらゆるところで称賛を浴びており
町の人々からも大人気
国栄えて民も喜ぶ、これこそは
我が王の願ひそのものではありませんか

(グエン王)
そうさな、
我が胸中にも答えは出ているのだ
心配するでない...

(「葛藤のアリア」)

あの頃を覚えている
玉のように美しく愛しいお前に
玉華と名付けた日を

幾度も高く抱き上げた少女の頬を
春に咲く花のようなその微笑みを

そして大きくなり
男勝りのおてんばになり
ああ玉華よ、思いもよらぬ
お茶目ないたずらの数々！

しかしひとたび「ただいま！お父様！」と
その声聞けば、我が心はとけそうになったものだ

そんな娘を
遠くへやらねばならぬのか？
悲しみに、この胸は痛む

行かせるのか？幾度となく問うた
国のためだからと行かせられるのか？
自問するほどに、悲しみはつのる

娘想いの父のことを忘れないでくれ
たとえ遠く離れても

ああ、だが玉華よ!!
私はまだ“ここ”には受け入れられずにいるのだ！

Trích từ Màn 3: Aria “Đàn bầu”

Nhân vật chính, công nữ Anio đến làm dâu ở Nagasaki, hát lên
nỗi niềm nhớ quê hương Hội An Việt Nam từ đất nước Nhật Bản xa xôi.

Hoa trôi về nơi nao
Ngắm hoa biết đâu những ngày mai sau

Dù gió mưa vô chừng,
nhưng còn sum vầy, còn yên ấm như ngày đầu
Thì nụ cười vẹn nguyên lấp lánh như hoa cười

Đào hoa, cánh hoa bông bênh hoa,
cánh trôi dập dềnh trôi xa,
nhớ thương quê nhà.

Ngày nao, bến sông xưa hoàng hôn,
khói lam bay từ trong thôn, tiếng ai hò khoan.

Nhánh mai, cánh mong manh vàng bay,
bến sông gió nhẹ lay lay, gió mang câu đàn.

Tịch tang, đàn tấu lên tịch tang,
đàn cất nỗi lòng đa đoan,
nhìn hoa trôi sao càng nhớ.

Đã muôn trùng xa vời.
Mãi muôn trùng xa rồi.

Đàn gieo chi nhớ thương?
Đàn ngân chi vấn vương?

Đâu là cố hương?
Bề rộng cách ngăn nhói lòng người thương.

Thương mẹ nhớ cha, ở cố hương,
mấy canh khuya se gió.

Mong được có hôm nào.
Dâng người chén rượu đào.

Từ đây, nhớ thương mang từ đây.

Nhớ thương gửi vào nơi đây,
có anh sum vầy.

Hoài hương gửi hết trong vảnh nôi,
gửi nét môi cười con thơ.

Vì anh bên em đầm ấm mãi,
vì con thơ như là nắng...

À ơi,
à hời ru...

第3幕より「一弦琴のアリア」

主人公のアニオー姫が、遠く離れた嫁ぎ先の日本・長崎より、
自身の故郷 ベトナム・ホイアンに対する切ない想いを熱唱する。

花は流れて どこへいく
君待つ定め たれしらん

たとえ雨かぜ 荒ぶとも
あの日の温もり ある限り
花は微笑み きらめけり

桃の花はふわふわと
ゆらゆらと流れゆく
懐かしい ふるさとを想う

あの日、夕焼けの川辺
村々に煙る焚き火、人々の語らい

梅の花びらはひらひらと
風は水面を揺らし 琴を奏でる

琴はティクタン、ティクタンと
物憂げな想いを語る
流れる花を見て よりつのる懐かしさ

遙か遠く 離れて
いつまでも 離れて

琴はなぜ 懐かしさを つま弾くの?
琴が未練を響かせるのは なぜ?

故郷はどこ? 離れ離れの距離が
愛しい人々の心を痛める

故郷の懐かしき父上と母上を
ふと想起こさせる夜風

いつかくるその日に
希望の杯を捧げる

この胸に、あふれる故郷への想い

でもこの想いは 胸の奥へ
あなたが 一緒にいるから

哀しみの全ては 胸の奥へ
この子の微笑みがあるから

永遠に続くあなたの温もりと
輝くこの子の未来があるから

ねんねんころりよ
おころりよ

Giới thiệu / Sản xuất

プロフィール／制作



Tổng đạo diễn
Honna Tetsuji

総監督
本名 徹次

Honna Tetsuji sinh năm 1957 tại tỉnh Fukushima, Nhật Bản. Trong chuyến lưu diễn Châu Á cùng Dàn nhạc Nagoya Philharmonic, ông bắt đầu mối duyên với Dàn nhạc Giao hưởng Việt Nam, chỉ huy Dàn nhạc từ năm 2001, và trở thành Giám đốc Âm nhạc kiêm Chỉ huy chính của Dàn nhạc Giao hưởng Việt Nam kể từ năm 2009 cho đến nay. Năm 2010, Honna chỉ huy “Bản giao hưởng một nghìn người” - Mahler 8 Concert kỷ niệm Đại lễ 1000 năm Thăng Long Hà Nội. Sau đó, Honna dẫn dắt Dàn nhạc biểu diễn thành công trong các chuyến lưu diễn tại Mỹ, Ý, Nga. Vào năm kỷ niệm 40 năm (2013) và kỷ niệm 45 năm (2018) thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản, ông đã thực hiện chuyến lưu diễn Nhật Bản và nhận được nhiều đánh giá cao.

Honna đã bắt đầu hoạt động chỉ huy trong khi theo học tại Đại học Nghệ Thuật Tokyo, ông đã từng chỉ huy nhiều dàn nhạc, bao gồm: Dàn nhạc Philharmonic La Scala tại Milan, Milan Giuseppe Verdi, Prague Radio,... và hầu hết các dàn nhạc tại Nhật Bản.

Ông đã nhận được vô số giải thưởng, bao gồm: Giải Nhất tại cuộc thi Chỉ huy Âm nhạc Quốc tế Tokyo, Giải Nhì tại cuộc thi Chỉ huy Quốc tế Arturo Toscanini, Giải Nhất tại cuộc thi Chỉ huy Quốc tế Budapest, Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch của chính phủ Việt Nam vì đã đóng góp cho nền âm nhạc Việt Nam trong nhiều năm liền (2012), Kỷ niệm chương Vì hòa bình, hữu nghị giữa các dân tộc (2018), Giải Đặc biệt của Quỹ Âm nhạc Watanabe Takeo (2019).

1957年福島県出身。名古屋フィルハーモニー交響楽団とのアジアツアーを機にベトナム国立交響楽団との縁が始まり2001年より指揮、2009年音楽監督兼首席指揮者に就任し現在に至る。2010年ハノイ還都千年祭の記念公演ではマーラー交響曲第8番「千人の交響曲」を指揮、その後同団を率いてアメリカ、イタリア、ロシアツアーを成功させた。日越外交関係樹立40周年(2013年)と45周年(2018年)には日本ツアーを行い好評を博した。

東京芸術大学在学中より指揮活動を開始、国内はもとよりミラノ・スカラ座管、ミラノヴェルディ管、ブラハ放送響など数多くのオーケストラを指揮。

東京国際音楽コンクール最高位、トスカニーニ国際指揮者コンクール第2位、ブダペスト国際指揮者コンクール優勝など受賞歴多数。2012年長年のベトナム音楽界への貢献に対しベトナム政府より文化功労賞を、2018年にはベトナム各国友好組織連合会より諸国平和友好記念章を、2019年には渡邊曉雄音楽基金特別賞を授与された。



Tác giả âm nhạc
Trần Mạnh Hùng

作曲
チャン・マイン・フン

Nhạc sĩ Trần Mạnh Hùng sinh năm 1973 tại Hà Nội, anh là nhà soạn nhạc, nhà sản xuất âm nhạc tại Việt Nam.

Trần Mạnh Hùng tốt nghiệp chuyên ngành sáng tác tại Nhạc viện Hà Nội (Nay là Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam) vào năm 2000, tốt nghiệp cao học chuyên ngành sáng tác tại cùng trường vào năm 2007.

Anh đã được nhận các giải nhất về sáng tác âm nhạc của Hội Nhạc sĩ Việt Nam trong những năm 2007, 2008, 2009; Giải nhất về sáng tác ca khúc của Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh năm 2011; Giải thưởng Nhà nước Việt Nam về lĩnh vực sáng tác âm nhạc năm 2017; Giải âm nhạc xuất sắc cho phim truyện điện ảnh của Liên hoan phim Việt Nam (Bông Sen Vàng) năm 2019; Giải âm nhạc xuất sắc cho phim truyện điện ảnh của Hội Điện ảnh Việt Nam (Cánh Diều Vàng) vào năm 2020.

Năm 2008, Trần Mạnh Hùng đã viết Rock Opera “Giấc mơ và hiện thực” – SIDA Thụy Điển. Năm 2009, viết Symphonic Poem “Lệ Chi Viên” – Đài Truyền hình DW (Đức) trong khuôn khổ Liên hoan âm nhạc Beethoven tại Bonn và Berlin. Năm 2020 viết Symphonic Poem “Khải Xuân Mở Hội” – Classical Movements. Bên cạnh đó, anh còn là nhà sản xuất âm nhạc cho nhiều chương trình âm nhạc lớn tại Việt Nam. Từ năm 2000, anh giảng dạy sáng tác âm nhạc tại Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội và Nhạc viện TP HCM.

1973年ハノイ出身。作曲家・音楽プロデューサー。

ハノイ音楽院(現:ベトナム国立音楽アカデミー)作曲科卒業、同大学院作曲専攻課程修了。

2008年スウェーデン国際開発協力庁によるロックオペラ「夢と現実」、2009年ボン・ベートーヴェン音楽祭にて交響詩「レ・チ・ヴィエン」を、2020年には「ガイ・スアン・モ・ホイ(開春の際に、お祭りも開催)」を作曲。

2007年から3年連続でベトナム音楽家協会による最優秀作曲賞を、ホーチミン市テレビ局最優秀作曲賞(2011年)、ベトナム国家賞作曲賞(2017年)、ベトナム映画祭(ゴールデン・ロータス)映画部門優秀音楽賞(2019年)、ベトナム映画協会(ゴールデン・カイト)映画部門優秀音楽賞(2020年)を受賞。



Đạo diễn/Tác giả kịch bản
Tác giả soạn lời (Tiếng Nhật)
Oyama Daisuke

演出 戯曲 作詞 (日本語)
大山 大輔

Oyama Daisuke sinh năm 1982 tại tỉnh Kagoshima, Nhật Bản. Anh là một ca sĩ opera, đạo diễn, tác giả kịch bản.

Trong vai trò ca sĩ opera, Oyama đã thể hiện xuất sắc vai diễn trong vô số các tác phẩm nổi tiếng như: “The Barber of Seville (Thợ cắt tóc ở Seville)”, “The Magic Flute (Cây sáo thần)”, “The Merry Widow (Góa phụ vui vẻ)”. Bên cạnh đó, anh còn đóng nhiều vai chính ở các sân khấu khác nhau như vai Phantom trong vở “The Phantom of the Opera (Bóng ma trong nhà hát)” của Công ty Nhà hát Shiki (Shiki Theatre Company), vai Figaro trong vở “The Marriage of Figaro (Cuộc hôn nhân của Figaro)” của đạo diễn Noda Hideki, vai Black Jack trong vở “BLACK JACK” nguyên tác bởi Tezuka Osamu/soạn nhạc Miyagawa Akira. Nhờ vào kinh nghiệm sân khấu phong phú khi tham gia vào nhiều thể loại tác phẩm, cho đến nay anh cũng đảm nhiệm vai trò đạo diễn, thực hiện vô số các kịch bản sân khấu. Năm 2019, Oyama Daisuke làm tổng đạo diễn cho buổi công diễn vở “Madama Butterfly (Quý bà bướm bướm)” của Puccini tại Phnom Penh, Campuchia và góp phần vào thành công của buổi diễn opera đầu tiên tại địa phương. Oyama tốt nghiệp trường Đại học Nghệ thuật Tokyo.

1982年鹿児島県出身。オペラ歌手、演出家、台本作家。

オペラ歌手として「セビリヤの理髪師」「魔笛」「メリー・ウイドウ」など数々の名作にて好演し活躍するのみならず、劇団四季「オペラ座の怪人」ファントム、野田秀樹演出による「フィガロの結婚」フィガロ、手塚治虫原作／宮川彬良作曲「BLACK・JACK」ブラックジャック等、様々な舞台で主役として観客を魅了する。そのジャンルを超えた多彩な舞台経験から、これまでに多数の舞台作品の演出、そして上演台本を手がけている。2019年にはプッチーニ「蝶々夫人」のカンボジア・プノンペン公演の総合演出を担当、現地初のオペラ公演の成功に貢献した。東京藝術大学首席卒業。



Tác giả soạn lời (Tiếng Việt)
Hà Quang Minh

作詞 (ベトナム語)
ハー・クアン・ミン

Hà Quang Minh sinh năm 1977 tại Hà Nội. Anh là một nhà báo, nhà văn, nhạc sĩ, tổ chức và giám tuyển nghệ thuật. Thể loại sáng tác chủ yếu của

anh là thơ, tác phẩm văn học, âm nhạc, báo chí.

Anh đã xuất bản các tác phẩm thơ như: “Với những hiệp sĩ” (1991); “Tiếng chuông đêm” (1992); “Ngọn lửa & bài ca” (1992), các tác phẩm văn học như: “Dưới những ngón tay tôi” (2013); “Ăn nỗi nhớ” (2014); “Thư gửi chính mình” (2015). Đảm nhiệm vai trò tổ chức nghệ thuật cho “Về một” (2013) – Họa sĩ Lê Thiết Cương; giám tuyển dự án “Of Pigs and Men” và “Ocean Thirteen” – Họa sĩ Trần Trung Lĩnh.

Về âm nhạc, Hà Quang Minh được biết đến với các ca khúc tiêu biểu như: “Mãi như bây giờ” – Ca sĩ Hồ Ngọc Hà, “Mùa đông không lạnh nữa” – Ca sĩ Hồ Trung Dũng, “Ai còn chờ ai”, “Về đi em tôi” – Ca sĩ Anh Khang và “Sài Gòn ôm tôi” - Phạm Anh Khoa...

Hà Quang Minh cũng là chuyên gia trong lĩnh vực bóng đá, anh cộng tác với nhiều báo bóng đá, tham dự các chương trình bình luận bóng đá, xã hội, văn hóa,... Anh còn là biên tập viên cho các báo lớn tại Việt Nam như Thể Thao Văn Hóa, Bóng đá, và hiện đang làm việc tại tuần báo Văn Nghệ Công An.

1977年ハノイ出身。ジャーナリスト、作家、作曲家、アートキュレーター。

詩、文学、新聞等幅広く執筆。これまでに数々の詩集や文学作品を発表。

「テ・タオ・バン・ホア (文化スポーツ新聞)」 「ボン・ダ (サッカー新聞)」 などベトナムで人気の新聞の編集者で、社会・文化に関する様々なトークショーに出演することも。現在、公安文芸週刊新聞に勤務。

作曲家としても活動しており、ホー・ゴック・ハー、アン・カン、ファム・アン・コアらに楽曲提供している。また、アーティスト、レ・ティエット・クオンやトラン・トラング・リンらのアートキュレーターも務める。

Giới thiệu / Diễn xuất

プロフィール／キャスト



Công nữ Anio
Đào Tố Loan, Soprano

アニオー姫
ダオ・トー・ロアン (ソプラノ)

Đào Tố Loan xuất thân từ Thái Nguyên. Cô là một giọng nữ cao đa năng, người biểu diễn nhạc cổ điển phương Tây, âm nhạc truyền thống Việt

Nam và các thể loại âm nhạc khác nhau cả ở Việt Nam và quốc tế.

Cô đã học hát từ năm 2006 và đã được trao bằng Cử nhân Âm nhạc chuyên ngành biểu diễn của Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam (2014), tốt nghiệp Cao học chuyên ngành biểu diễn (2016).

Giáo viên của cô là PGS Trần Thị Ngọc Lan và cô cũng học hỏi thêm rất nhiều từ Giáo sư của các nước như Giáo sư Siri Torjesen (Na Uy), Giáo sư Elena Pankratova (Áo), Giáo sư Michel (Canada)...

Năm 2012, cô nhận được học bổng của Viện Goethe tại Hà Nội để học tại Bonn và Frankfurt, Đức trong 5 tháng. Vào mùa hè năm 2014, cô nhận được học bổng từ Transposition để tham gia Hội thảo Opera Lidal North ở Nhà hát Opera Oslo. Và năm 2018 cô được nhận học bổng tại đất nước Áo 9 tháng.

Tố Loan không chỉ hát Opera, cô còn hát những bài hát truyền thống Việt Nam, bản cổ điển, dân ca và Pop. Cô biểu diễn với tư cách là nghệ sĩ Solist trong các chương trình sự kiện lớn cả trong nước và quốc tế.

Giải thưởng mà cô nhận được bao gồm: giải Nhất Sao Mai, Liên hoan tiếng hát truyền hình toàn quốc của Việt Nam (2011), giải Nhất và giải khán giả bình chọn tại Hội thảo Opera Lidal North ở Nhà hát Opera Oslo (2014), giải nhất Cuộc thi Opera Đông Nam Á tại Singapore (2018), giải nhì cuộc thi Opera Việt Nam (2019), huy chương vàng Liên hoan Tiếng hát Đường 9 xanh (2019), giải ba Opera Quốc Tế tại Mỹ (2021).

タイゲン省出身。多才なソプラノ歌手で、オペラのみならずベトナム伝統音楽・民謡、ポップスなど様々なジャンルの音楽を演奏。国内外のイベントでソリストとして活躍。

2006年から歌の勉強を始め、2012年ドイツへの留学奨学金を獲得。2016年ベトナム国立音楽院演奏専攻音楽修士号を取得。チャン・ティ・ゴック・ラン准教授指導のもと、ノルウェー、オーストラリア、カナダの教授からも学ぶ。

受賞歴：ベトナム全国歌唱大会・サオマイ第1位(2011)、オスロ・オペラハウスでの LidalNorth 国際オペラワークショップ第1位と観客賞(2014)、シンガポール・リリック・オペラ - ASEAN ボーカルコンペティション第1位(2018)、ベトナムオペラコンクール第2位、ドゥオン・チン・サイン歌唱大会金賞(2019)、アメリカ国際オペラコンクール第3位(2021)



Công nữ Anio
Bùi Thị Trang, Soprano

アニオー姫
ブイ・ティ・チャン (ソプラノ)

Bùi Thị Trang (Trang Bùi) là giọng ca soprano sinh ra và lớn lên tại Thái Nguyên. Cô tốt nghiệp xuất sắc Đại học chuyên ngành Thanh Nhạc tại

Học viện Âm nhạc quốc gia Việt Nam dưới sự hướng dẫn của GS.NSND Trung Kiên.

Từ năm 2013, Trang Bùi là diễn viên của Nhà hát Nhạc Vũ Kịch Việt Nam.

Cô đã tham gia nhiều chương trình hòa nhạc với vai trò Solist và đảm nhiệm 1 số vai chính trong các vở Opera như: Dorabella trong “Così Fan Tutte” (A.Mozart), Maria trong “Maria de Buenos Aires” (Astor Piazzolla), Frasquita trong “Carmen” (Bizet), H’Nuôn trong vở nhạc kịch “Người Tạc Tượng” của nhạc sĩ Đỗ Nhuận, Fantine trong “Những người khốn khổ” (tiểu thuyết của Victor Hugo - âm nhạc Schonberg).

Đồng thời, cô cũng tham gia nhiều chương trình nghệ thuật của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch biểu diễn tại Hàn Quốc, Thái Lan, Nga...

Năm 2018 cô tốt nghiệp Cao học chuyên ngành Biểu diễn Thanh nhạc tại Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam.

Các giải thưởng mà cô giành được bao gồm: Huy chương Vàng Liên hoan Ca múa nhạc chuyên nghiệp Toàn quốc 2021 vai Fantine trong vở Nhạc kịch “Những người khốn khổ”, Giải nhì Tiếng hát Truyền hình Thái Nguyên 2010, Giải khuyến khích cuộc thi hát thính phòng nhạc kịch Toàn quốc 2019.

タイゲン省出身のソプラノ歌手。チュン・キエン教授兼人民アーティスト指導のもと、2018年ベトナム国立音楽院声楽演奏専攻修士課程修了。

2013年からベトナム国立オペラバレエ団でオペラ歌手として活躍。ソリストとしても多くのコンサートに参加。オペラでは「コジ・ファン・トゥッテ」ドラベラ、「プエノスアイレスのマリア」マリア、「カルメン」フラスキータ、ドー・ニュアン作曲「グオイ・タック・トゥオン (彫刻家)」ホ・ヌオン、「レ・ミゼラブル」ファンテヌなど大役を演じる。また、韓国、タイ、ロシアでのベトナム文化スポーツ観光省の芸術イベントにも多数出演。

受賞歴：全国プロ音楽舞踊大会金賞(2021)、タイゲン放送歌唱コンクール第2位(2010)、全国歌劇室内楽歌唱コンクール参加賞(2019)

Sắp xếp tên theo thứ tự bảng chữ cái (kiểu Việt Nam)
名で並べるアルファベット順 (ベトナム式)



Araki Sotaro
Kobori Yusuke, Tenor

荒木 宗太郎
小堀 勇介 (テノール)

Kobori Yusuke xuất thân từ Fukushima. Anh tốt nghiệp thủ khoa chuyên ngành thanh nhạc Đại học Âm nhạc Quốc gia Nhật Bản và khóa đào tạo Cao học thanh nhạc opera cùng trường. Anh tốt nghiệp Khóa 15 Viện đào tạo opera Nhà hát Quốc gia Mới, Tokyo. Giọng ca Kobori đã đạt Giải Nhì Cuộc thi Âm nhạc Tokyo Lần thứ 16, Giải Nhất Cuộc thi Âm nhạc Nhật Bản Lần thứ 88 và rất nhiều giải thưởng khác. Anh đã du học tại Bologna theo Chương trình đào tạo nước ngoài dành cho nghệ sĩ mới của Cục Văn hóa Nhật Bản. Năm 2016, khi tham gia khóa học tại trường Academia Rossiniana (Pesaro, Ý) và trường Rossini Opera Academy (Lunenburg, Canada), anh đã trưởng thành hơn dưới sự hướng dẫn của Chỉ huy Alberto Zedda. Kobori ra mắt lần đầu tiên tại Châu Âu với vai Lindoro trong vở “L’italiana in Algeri” (Cô gái Ý ở Algiers) tại Nhà hát Tyrol Festival. Sau khi về nước, anh bắt đầu với vai Tonio trong “La fille du régiment” (Người con gái của Trung đoàn) tại Nhà hát hồ Biwa, tiếp đến là các vai diễn như Don Ramiro trong “La Cenerentola” (Cô bé Lọ Lem) của Đoàn nhạc kịch Fujiwara, Nemorino trong “L’elisir d’amore” (Rượu tình) của Nhà hát Nissei... Anh là thành viên Hiệp hội Rossini Nhật Bản.

福島県出身。国立音楽大学声楽専攻ならびに同大学院声楽専修オペラ・コースを首席で修了。新国立劇場オペラ研修所第15期修了。第16回東京音楽コンクール声楽部門第2位。第88回日本音楽コンクール声楽部門第1位等入賞多数。文化庁新進芸術家海外研修制度にてボローニャを拠点に留学。ペーザロのアカデミア・ロッシニアーナ2016、ルーネンバーグのロッシニー・オペラ・アカデミー2016を修了し、指揮のA・ゼッダ氏から薫陶を受ける。チロル祝祭歌劇場にて「アルジェのイタリア女」のリンドロ役でヨーロッパ・デビュー。帰国後はびわ湖ホール「連隊の娘」トニオ役を皮切りに、藤原歌劇団公演「チェネレントラ」ドン・ラミーロ、日生劇場公演「愛の妙薬」ネモリーノ等に出演。日本ロッシニー協会会員。



Araki Sotaro
Yamamoto Kohei, Tenor

荒木 宗太郎
山本 耕平 (テノール)

Yamamoto Kohei xuất thân từ Tottori. Anh tốt nghiệp thủ khoa Cao học trường Đại học Nghệ thuật Tokyo, đồng thời anh đã có thời gian trau dồi nâng cao năng lực tại nước Ý. Anh giành nhiều giải thưởng như Giải Nhất hạng mục Giải Milano Cuộc thi Thanh nhạc Ý, Giải Nhất và Giải Ca khúc Cuộc thi Thanh nhạc Nichii...

Trong lĩnh vực opera, anh liên tiếp xuất hiện trong các vai diễn lớn được khán giả yêu thích như vai Don Carlo trong vở “Don Carlo” của Nikikai, công tước xứ Mantua trong vở “Rigoletto”, Kashiwagi trong vở “Kinkakuji” (Chùa Vàng) của đạo diễn Miyamoto Amon, Alwa trong vở “Lulu”, Tebaldo trong vở “I Capuleti e i Montecchi” của Nhà hát Nissei...Anh cũng được đánh giá cao với vai trò solist trong các tác phẩm như “Bản giao hưởng số 9” của Beethoven, “Bản nhạc thánh cung Si thứ” của JSBach, “Petite messe solennelle” của Rossini. Anh xuất hiện trên truyền hình trong các chương trình âm nhạc như “NHK New Year Opera Concert”, “Lalala♪ Classic”, “Tokyu Silvester Concert”.

Yamamoto đã phát hành 2 album solo “Mi Manchi” và “Kimi nanka mou” (Tôi không yêu em nữa). Là nghệ sĩ tham gia Chương trình CHANEL Pygmalion Days năm 2013. Đại sứ du lịch thành phố Yonago vùng thủ đô Tokyo. Đại sứ Quê hương Tottori. Thành viên của Tokyo Nikikai Opera Foundation.

鳥取県出身。東京藝術大学大学院首席修了。イタリアにて研鑽を積む。イタリア声楽コンcorso・ミラノ大賞部門第1位、日伊声楽コンcorso第1位及び歌曲賞等多数受賞。オペラでは、二期会「ドン・カルロ」タイトルロール、「リゴレット」マントヴァ公爵、宮本亜門演出「金閣寺」柏木、「ルル」アルヴァ、日生劇場「カプレーティとモンテッキ」テバルド等次々と大役を演じ、いずれも好評を博す。コンサートソリストとしても「第九」をはじめ、バッハ「ロ短調ミサ」、ロッシニー「小莊嚴ミサ曲」等で高い評価を得ており、「NHK ニューイヤーパーラコンサート」、「らららクラシック」、「東急ジルベスターコンサート」等メディアへの出演も多い。「Mi manchi」「君なんか もう」の2枚のソロアルバムをリリース。2013年CHANEL Pygmalion Days ARTISTS。米子市首都圏観光大使。とっとりふるさと大使。二期会会員。



Thầy bói (Khách mời đặc biệt) Phạm Khánh Ngọc, Soprano

占い師 (特別出演)
ファム・カイン・ゴック (ソプラノ)

Phạm Khánh Ngọc sinh ra trong gia đình có truyền thống âm nhạc nên sớm được thừa hưởng gene âm nhạc và bắt đầu học piano từ năm 6 tuổi. Đến năm 18 tuổi, cô đã bắt đầu sự nghiệp học hát chuyên nghiệp với chuyên ngành Thanh nhạc tại Nhạc viện TP.HCM. Cô tốt nghiệp thủ khoa bậc Đại học chuyên ngành biểu diễn Thanh nhạc tại Nhạc viện TP.HCM dưới sự hướng dẫn của nghệ sĩ giọng nữ cao Hàn Quốc, Th.S Cho Hae Ryong, tốt nghiệp hạng xuất sắc bậc Cao học cùng chuyên ngành tại trường dưới sự hướng dẫn của cô GS. NSND Nguyễn Trung Kiên. Tháng 9/2016, cô đã tổ chức thành công recital của cô tại phòng hòa nhạc Nhạc viện TP.HCM mang tên “This is the moment”. Tháng 4/2017, cô tu nghiệp tại Nhà hát Opera Musiktheater im Revier, Gelsenkirchen, Đức và tham gia master class dưới sự hướng dẫn của GS. Pelker Gudrun tại Nhạc viện Hannover. Cô đã biểu diễn trong rất nhiều chương trình hòa nhạc: Hoà nhạc quốc gia Điều còn mãi, hòa nhạc tại Concert Hall nhà hát Esplanade Theatres on the Bay, Singapore (2017), Peace Concert tại Hàn Quốc, hoà nhạc kỉ niệm 50 quan hệ ngoại Việt Nam - Austria tại Wiener Konzerthaus và hoà nhạc 45 năm quan hệ ngoại giao Việt Nam - Tây Ban Nha tại Nhạc viện Hoàng Gia Madrid. Đồng thời cô tham gia trong nhiều vở opera với các vai: Thương trong “Người giữ cò” của PGS. Ca Lê Thuần, Nữ hoàng bóng đêm trong “Cây sáo thần” của Mozart, Frasquita trong “Carmen” của Bizet, Zerlina trong “Don Giovanni” của Mozart. Với giọng nữ cao màu sắc, cô hiện đang là soloist của Đoàn Nhạc Kịch, Nhà hát Giao hưởng Nhạc Vũ Kịch TP.HCM, đồng thời là giảng viên khoa Thanh nhạc Nhạc viện TP.HCM.

Giải thưởng: Huy chương vàng tại Hội diễn Ca múa nhạc chuyên nghiệp toàn quốc (2015), giải Nhì Cuộc thi hát opera quốc tế SLO- Asean Vocal Competition tại Singapore (2016), giải Nhất cuộc thi Concours hát thính phòng và nhạc kịch TP.HCM (2017), giải Nhất Bảng B “Hát thính phòng nhạc kịch” tại Concour Âm nhạc mùa thu tại Hà Nội (2019)

音楽一家に生まれ、6歳からピアノを習い始める。ホーチミン音楽院声楽演奏専攻修士課程修了。2017年ドイツ・ハノーファー音楽演劇大学のマスタークラスに参加。ウィーンでの越境関係樹立50周年記念コンサート、マドリッドでの越西関係樹立45周年記念コンサートなど多くのコンサートに出演。オペラではカ・レ・トゥアン准教授作曲「グオイ・ズー・コン(砂礫堆の守り人)」トゥオン、モーツァルト「魔笛」夜の女王、ビゼー「カルメン」フラスキータ、モーツァルト「ドン・ジョヴァンニ」ツェルリーナなど大役を演じる。現在、ホーチミン市立オペラバレエ交響楽団のソリスト、ホーチミン音楽院声楽演奏専攻の教師。

受賞歴：全国プロ音楽舞踊大会金賞(2015)、シンガポール・リリック・オペラ - ASEANボーカルコンペティション第2位(2016)、ホーチミン歌劇室内楽歌唱コンクール第1位(2017)、ハノイ・秋音楽コンクール歌劇室内楽歌唱グループB第1位(2019)



Chúa Nguyễn Đào Mác, Bass Baritone

グエン王
ダオ・マック (バスバリトン)

Đào Mác sinh năm 1989 tại Hưng Yên.

Anh là một nghệ sĩ opera, giảng viên Thanh nhạc.

Đào Mác sở hữu một giọng nam trung dày, đẹp nội lực và âm vực rộng.

Anh tốt nghiệp xuất sắc Đại học khoa Thanh nhạc của Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam dưới sự giảng dạy của NSUT Đăng Dương.

Anh cũng có một khoá tu nghiệp tại nhà hát Opera Musiktheater im Revier ở Gelsenkirchen của Đức vào năm 2017 sau thành công của vai diễn Papageno trong vở Opera “Die Zauberflöte” (Cây sáo Thần) của nhà soạn nhạc Mozart.

Các vai diễn cũng gắn liền với tên tuổi của anh như: Dr Falker trong Operetta “Die Fledermaus” (Con Dơi) của Johann Strauss; Kasspar trong Opera “Der Freischütz” (Viên Đạn Thần) của Carl Maria von Weber; Le Baron trong Operetta “La Vie Parisienne” (Cuộc sống Paris) của Offenbach và gần đây nhất là vai Mr X (Nạn nhân X) trong vở nhạc kịch trình thám “Yesterday’s Memory” kịch bản của Anna Sophie Weber. Anh cũng đảm nhiệm vai để Mèn trong vở Musical “Để Mèn phiêu lưu ký” của nhạc sĩ Việt Anh.

Hiện anh đang là Soloist của Nhà hát Giao hưởng Nhạc Vũ Kịch Thành phố Hồ Chí Minh, giảng viên Thanh nhạc của Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh, giảng viên Thanh nhạc của Đại học Văn hoá Nghệ thuật Quân đội Cơ sở 2, Trưởng khoa Thanh nhạc của Trường Nhạc MPU.

1989年フニエン省出身。重厚感があり、声域が広くパワフルで美しい声のバスバリトン歌手。ダン・ズオン功労芸術家の指導のもと、ベトナム国立音楽院声楽演奏専攻学士課程修了。「魔笛」パパゲーノ役で成功後、2017年ドイツ・ゲルゼンキルヒェンの歌劇場ムジークシアター・イム・レヴィエでの研修コースに留学。

ヨハン・シュトラウス「こうもり」ファルケ博士、ウェーバー「魔弾の射手」カスパール、オッフェンバック「パリの生活」ゴンドルマルク男爵などの役で知名度を上げた。また、ヴェット・アイン作曲のベトナムのミュージカル「ゼー・メン(コオロギ)」でコオロギ役を演じた。

現在、ホーチミン市立オペラバレエ交響楽団のソリスト。ホーチミン音楽院、軍事文化芸術大学の声楽教師、MPU音楽学校の声楽課課長。



Chính phi Nguyễn Thu Quỳnh, Mezzo-soprano

お后

グエン・トゥ・クイン (メゾソプラノ)

Nghệ sĩ Nguyễn Thu Quỳnh sinh năm 1984, tốt nghiệp xuất sắc cao học chuyên ngành biểu diễn thanh nhạc tại Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, hiện là Soloist giọng Mezzo Soprano của Nhà hát Nhạc Vũ Kịch Việt Nam. Cô từng tham gia biểu diễn với vai trò solist trong các tác phẩm như “Requiem” của Verdi, “Giao hưởng số 9” của Beethoven, vai Dorabella trong “Cosi fan tutte” của Mozart, Carmen trong vở nhạc kịch cùng tên của Bizet, Éng trong vở “Cô Sao” của nhạc sĩ Đỗ Nhuận, Mai trong vở nhạc kịch “Lá Đỏ” của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, H’Beng trong nhạc kịch “Người tạc tượng” của nhạc sĩ Đỗ Nhuận... Năm 2020, Thu Quỳnh đảm nhận vai diễn Fantine trong vở nhạc kịch “Những người khốn khổ”.

1984年生まれ。メゾソプラノ歌手。ベトナム国立音楽院声楽演奏専攻修士課程修了。現在、ベトナム国立オペラバレエ団のソリスト。ヴェルディ「レクイエム」、ベートーヴェン「交響曲第9番」のソリストとして活躍し、モーツァルト「コジ・ファン・トゥッテ」ドラベッラ、ビゼー「カルメン」カルメン、ドー・ニュアン作曲の「コ・サオ (サオさん)」エン、ドー・ホン・クアン作曲の「ラー・ド (赤い葉)」マイ、ドー・ニュアン作曲の「グオイ・タック・トゥオン (彫刻家)」ホ・ベンなどの役を演じた。2020年には「レ・ミゼラブル」のファンティース役を務めた。



Quan khám lý Nguyễn Huy Đức, Baritone

大臣

グエン・フイ・ドゥック (バリトン)

Nghệ sĩ Nguyễn Huy Đức tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành biểu diễn thanh nhạc tại Học viện âm nhạc quốc gia Việt Nam. Từ năm 2003 đến nay, anh công tác tại Nhà hát Nhạc Vũ Kịch Việt Nam. Hiện tại, anh đang đảm nhận vị trí Trưởng đoàn Ca kịch.

Anh từng đóng các vai chính như: Junigar trong Opera “Carmen” của Bizet; Isonokami no Marotari trong Opera “Nàng tiên trong ống tre”- dự án hợp tác văn hóa Việt Nam – Nhật Bản; Hồ Tôn Hiến trong “Kiều” của nhạc sĩ Nguyễn Thiện Đạo; Quan Tri Châu – Đèo Văn Hung trong Opera “Cô Sao” của nhạc sĩ Đỗ Nhuận; Già làng Aepong trong “Người Tạc Tượng” của nhạc sĩ Đỗ Nhuận; Thần Núi trong “Lá Đỏ” của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân.

Anh còn là giọng Baritone chính trong vở nhạc kịch “Maria de Buenos Aires” của Astor Piazzola; “Giao hưởng số 9” của Beethoven; Hợp xướng “Carmina Burana” và rất nhiều tác phẩm cổ điển khác. Năm 2020, anh đã rất thành công với vai diễn Javert trong vở nhạc kịch “Những người khốn khổ”.

Trong sự nghiệp của mình, anh từng giành nhiều giải thưởng như Huy chương Bạc tại Cuộc thi nghệ thuật Ca Múa Nhạc chuyên nghiệp Toàn quốc đợt I năm 2015; Huy chương Bạc tại Liên hoan Tiếng Hát Đường 9 Xanh và Giải Nhì Bảng B nam Bộ môn Hát Thánh Phòng - Nhạc Kịch tại Cuộc thi Âm Nhạc Mùa Thu 2019.

ベトナム国立音楽院声楽演奏専攻修士課程修了。2003年ベトナム国立オペラバレエ団に入団、現在は団長を務める。

ビゼー「カルメン」スニガ、日越文化交流事業「竹取物語」石上麻呂足、グエン・ティエン・ダオ作曲「キエウ」ホー・トン・ヒエン、ドー・ニュアン作曲「コ・サオ」クアン・チー・チャウ & デオ・ヴァン・フン、「グオイ・タック・トゥオン」村の長老アエボン、ドー・ホン・クアン作曲「ラー・ド」山の神様など、多くのオペラで大役を演じた。その他ミュージカルや多数のクラシック音楽作品等のバリトン・ソリストとして活躍。2020年には「レ・ミゼラブル」のジャヴェール役で大成功を収めた。

受賞歴: 第1回全国プロ音楽舞踊大会銀賞 (2015)、ドゥオン・チン・サイン歌唱大会銀賞、秋音楽コンクール歌劇室内楽歌唱グループB男子第2位 (2019)



Nagasaki bugyo
Ito Takayuki, Bass

長崎奉行
伊藤 貴之(バス)

Ito Takayuki sinh ra tại Aichi, Nhật Bản. Anh tốt nghiệp đại học và cao học tại trường Đại học Nghệ thuật Nagoya. Năm 2013 ~ 2014, anh du học ở Ý theo học bổng của tổ chức NPO Yellow Angel. Anh đã đạt được nhiều giải thưởng lớn như: Giải nhì cuộc thi Giọng hát Nhật - Ý lần thứ 48, Huy chương vàng cuộc thi Giọng hát Ý lần thứ 41, Giải nhì cuộc thi Giọng hát Quốc tế G. Zecca lần thứ 6.

Sau khi ra mắt với vai diễn bác sĩ Grenvil trong vở “La Traviata (Người đàn bà sa ngã)” tại Nhà hát Nghệ thuật tỉnh Aichi, anh đã tham gia vào nhiều vở Opera khác như vai vua và tư tế Ramfis trong vở “Aida”. Sau khi gia nhập Đoàn ca kịch Fujiwara với vai Tom trong vở “Un ballo in maschera (Buổi khiêu vũ hóa trang)” năm 2013, anh tiếp tục đảm nhận các vai chính giọng bass như Alidoro trong vở “La Cenerentola (Cô bé lọ lem)”, Sparafucile trong vở “Rigoletto”.

Anh đã đạt danh hiệu Gương mặt mới của Giải thưởng Văn hóa Nghệ thuật tỉnh Aichi năm 2012, Giải khuyến khích Văn hóa và Giáo dục của Quỹ học bổng Toyoshin năm 2016, Giải khuyến khích Văn hóa Toyota của Quỹ xúc tiến văn hóa Thành phố Toyota năm 2017. Hiện anh đang là thành viên của Đoàn nhạc kịch Fujiwara.

愛知県出身。名古屋芸術大学卒業、同大学院修了。2013～14年NPO法人イエロー・エンジェルの奨学金を受け渡伊。第48回日伊声楽コンクール第2位。第41回イタリア声楽コンクール金賞受賞。第6回G.ゼッカ国際声楽コンクール第2位。

愛知県芸術劇場「椿姫」のグランヴィールでデビュー以降、「アイダ」ランフィスおよび国王など数多くのオペラに出演。藤原歌劇団には、13年「仮面舞踏会」のトムでデビュー以降、「ラ・チェネレントラ」アリドロ、「リゴレット」スパラフチーレ等、バスの主要な役で活躍を続けている。平成24年度愛知県芸術文化選奨文化新人賞受賞。平成28年度とよしん育英財団教育文化奨励賞受賞。平成29年度豊田市文化振興財団豊田文化奨励賞受賞。藤原歌劇団団員。



Yasu
Kawakoshi Miharuru, Soprano

家須
川越 未晴(ソプラノ)

Kawakoshi Miharuru sinh ra tại Aichi, Nhật Bản. Cô tốt nghiệp đại học và cao học tại Trường Đại học nghệ thuật Aichi. Cô đã tham gia và nhận chứng chỉ lớp Master Class của nghệ sĩ Maurizio Carnelli và nghệ sĩ Okazaki Chieko ở Ý. Cô hoàn thành khóa học thạc sĩ kỳ 65 tại Viện đào tạo Opera Nikikai với Giải xuất sắc và Giải thưởng khuyến khích.

Cô đã từng tham gia vào nhiều vở opera với các vai như: Nữ hoàng Bóng đêm trong “The Magic Flute (Cây sáo thần)”, Vitellia trong vở “La clemenza di Tito (Lòng nhân từ của Tito)”, Gretel/Tinh linh sương mù trong vở “Hansel và Gretel”. Vào năm 2019, cô biểu diễn cùng với Dàn nhạc giao hưởng Nagoya trong Dự án Nghệ sĩ mới do Liên hiệp Nghệ sĩ âm nhạc Nhật Bản (Japan Federation of Musicians) tổ chức.

Giải thưởng mà cô nhận được: Giải ba Cuộc thi âm nhạc Tokyo (Tokyo Music Competition) lần thứ 20, Giải nhì Cuộc thi nghệ sĩ âm nhạc Nhật Bản (Japan Player’s Competition) lần thứ 23, Giải nhất và Giải xuất sắc Liên hoan âm nhạc Quốc tế Gifu năm 2018, Giải thưởng Văn hóa đặc biệt và Giải thưởng Thị trường thành phố Gifu.

Cô hiện đang là thành viên của Tokyo Nikikai Opera Foundation.

愛知県出身。愛知県立芸術大学卒業、同大学院修了。イタリアにてMaurizio Carnelli氏と岡崎智恵子氏によるマスタークラスに参加、ディプロマ取得。二期会オペラ研修所65期マスタークラス修了。修了時に優秀賞及び奨励賞受賞。

これまでにオペラでは、「魔笛」夜の女王、「皇帝ティートの慈悲」ヴィテッリア、「ヘンゼルとグレーテル」グレーテル／露の精で出演。また2019年には、日本演奏連盟主催による新進演奏家プロジェクトにて、名古屋フィルハーモニー交響楽団と共演。

第20回東京音楽コンクール第3位、第23回日本演奏家コンクール第2位、2018年岐阜国際音楽祭コンクール第1位及び優秀賞、文化人特別賞、岐阜市長賞受賞。二期会会員。



Khái quát Dự án

プロジェクト概要

※ Thông tin tính đến ngày 8/5/2023
※ 2023年5月8日現在の情報

Dự án Opera “Công nữ Anio”

- Đơn vị tổ chức** : Ban Điều hành “Công nữ Anio”
(Brain Group, Công ty TNHH Âm nhạc Yamaha Việt Nam,
Hiệp hội Xúc tiến Giao lưu Quốc tế NPO)
- Đơn vị đồng tổ chức** : Dàn nhạc Giao hưởng Việt Nam
- Cổ vấn danh dự Dự án:
Yamada Takio (Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Nhật Bản tại Việt Nam)
- Đại diện Dự án:**
Honma Tetsuji (Giám đốc Âm nhạc kiêm Chỉ huy chính Dàn nhạc Giao hưởng Việt Nam)
- Đồng đại diện:**
Trịnh Tùng Linh (Giám đốc Dàn nhạc Giao hưởng Việt Nam)
Furukawa Naomasa (Trưởng ban Ban Điều hành “Công nữ Anio”)
- Đơn vị bảo trợ** : Bộ Ngoại giao Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam,
Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam, Hội Nhạc sĩ Việt Nam,
Tỉnh Quảng Nam, Tỉnh Nagasaki, Thành phố Hội An,
Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam,
Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản tại Thành phố Hồ Chí Minh,
Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản tại Đà Nẵng,
Trung tâm Giao lưu Văn hóa Nhật Bản tại Việt Nam
- Đơn vị đồng hành** : 【Đơn vị đồng hành Bạch Kim】
Công ty Cổ phần Acecook Việt Nam, Công ty Idemitsu Kosan Co., Ltd.
Công ty Ô tô Toyota Việt Nam, Công ty Daiwa House Industry Co., Ltd.
THE SAKURA-Samty & Vinhomes
【Đơn vị đồng hành Vàng】
Công ty TNHH ENEOS Việt Nam, Công ty TNHH Becamex Tokyu
Công ty TNHH Nippon Steel Metal Products Vietnam, Tập đoàn FPT
【Đơn vị đồng hành Bạc】
Roygent Parks Hà Nội, HOTEL MIKAZUKI GROUP,
HÔTEL du PARC HANOÏ
- Khách sạn đồng hành:** Roygent Parks Hà Nội, Da Nang Mikazuki Japanese Resorts & Spa,
HÔTEL du PARC HANOÏ

新作オペラ「アニオー姫」プロジェクト

- 主催** : 「アニオー姫」実行委員会
(ブレイングループ、ヤマハミュージックベトナム、NPO 国際交流促進協議会)
- 共催** : ベトナム国立交響楽団
※プロジェクト 名誉顧問 山田滝雄 (在ベトナム日本国大使館 特命全権大使)
代表 本名徹次 (ベトナム国立交響楽団 音楽監督兼首席指揮者)
共同代表 チン・トゥン・リン (ベトナム国立交響楽団 代表)
古川直正 (「アニオー姫」実行委員会 実行委員長)
- 後援** : ベトナム外務省、ベトナム文化スポーツ観光省、在ベトナム日本国大使館、
ベトナム音楽家協会、クアンナム省、長崎県、ホイアン市、ベトナム日本商工会議所、
ホーチミン日本商工会議所、ダナン日本商工会議所、
国際交流基金ベトナム日本文化交流センター
- 協賛** : 【プラチナサポーター】
エースコックベトナム、出光興産(株)、トヨタモーターベトナム、大和ハウス工業(株)、
THE SAKURA-サムティ & ビンホームズ
【ゴールドサポーター】
ENEOS ベトナム、ベカメックス東急、日鉄建材ベトナム、FPT コーポレーション
【シルバーサポーター】
ロイジェントパークスハノイ、ホテル三日月グループ、ホテル デュ パルク ハノイ
- 公式サポートホテル** :
ロイジェントパークスハノイ、ダナン三日月 Japanese Resorts & Spa、
ホテル デュ パルク ハノイ

Sản xuất · Diễn xuất

制作・キャスト

※ Thông tin tính đến ngày 8/5/2023
※ 2023年5月8日現在の情報

Đội ngũ sản xuất

Tổng đạo diễn : Honna Tetsuji

Tác giả âm nhạc : Trần Mạnh Hùng

Nguyên tác : Đội ngũ tác giả nguyên tác Dự án Opera “Công nữ Anio”

Đạo diễn, Tác giả kịch bản, Tác giả soạn lời (Tiếng Nhật) : Oyama Daisuke

Tác giả soạn lời (Tiếng Việt) : Hà Quang Minh

Diễn viên: Đào Tố Loan (vai Công nữ Anio), Bùi Thị Trang (vai Công nữ Anio),
Kobori Yusuke (vai Araki Sotaro), Yamamoto Kohei (vai Araki Sotaro),
Phạm Khánh Ngọc (vai Thầy bói), Đào Mác (vai Chúa Nguyễn),
Nguyễn Thu Quỳnh (vai Chính phi), Nguyễn Huy Đức (vai Quan khám lý),
Ito Takayuki (vai Nagasaki bugyo), Kawakoshi Miharuru (vai Yasu),
Nguyễn Trường Linh (vai Thông dịch), Nguyễn Anh Vũ (vai Cai cơ)

Đồng sản xuất : Dân nhạc Giao hưởng Việt Nam, Nhà hát Nhạc Vũ Kịch Việt Nam

Hợp tác sản xuất: Nhà hát Giao hưởng Nhạc Vũ Kịch Thành phố Hồ Chí Minh

Cố vấn sản xuất: Trần Ly Ly

Hình ảnh chủ đạo tranh sơn mài : Ando Saeko

Đạo diễn sân khấu : Koizumi Hiroshi

Mỹ thuật sân khấu : Ito Masako

Thiết kế trang phục : Hibino Kodue

Trang điểm & Làm tóc : Akamatsu Eri

Thiết kế ánh sáng : Saito Shigeo

Sân khấu, Kỹ thuật : Công ty Cổ phần Art Creation

Cố vấn lịch sử : Phan Hải Linh, Tomoda Hiromichi, Fukukawa Yuichi, Kikuchi Seiichi,
Ando Katsuhiko, Honma Sadao

Chủ nhiệm sản xuất : Furukawa Naomasa

Nhà sản xuất : Trịnh Tùng Linh, Phan Mạnh Đức, Lê Ha My,
Tani Makoto, Sasaki Shinji, Adachi Nobuhiko

Hợp tác kế hoạch : Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam

Đơn vị hỗ trợ : Nhà hát Yokohama Minato Mirai
(Quỹ Xúc tiến Văn hóa và Nghệ thuật Thành phố Yokohama),
KAJIMOTO, Công ty Cổ phần GMO-Z.com RUNSYSTEM

制作チーム

総監督 : 本名徹次

作曲 : チャン・マイン・フン

原作 : 新作オペラ「アニオー姫」プロジェクト 原作チーム

演出 戯曲 作詞 (日本語) : 大山大輔

作詞 (ベトナム語) : ハー・クアン・ミン

出演 : ダオ・トー・ロアン (アニオー姫)、ブイ・ティ・チャン (アニオー姫)、
小堀勇介 (荒木宗太郎)、山本耕平 (荒木宗太郎)、
ファミ・カイン・ゴック (占い師)、ダオ・マック (グエン王)、
グエン・トゥ・クイン (お后)、グエン・フイ・ドゥック (大臣)、
伊藤貴之 (長崎奉行)、川越未晴 (家須)、グエン・チュオン・リン (通事)、
グエン・アイン・ザー (連隊長)

共同制作 : ベトナム国立交響楽団、ベトナム国立オペラバレエ団

制作協力 : ホーチミン市立オペラバレエ交響楽団

制作アドバイザー : チャン・リ・リー

漆画キービジュアル : 安藤彩英子

舞台監督 : 幸泉浩司

舞台美術 : 伊藤雅子

衣裳デザイン : ひびのこづえ

ヘアメイク : 赤松絵利

照明デザイン : 斎藤茂男

舞台 技術 : (株)アートクリエイション

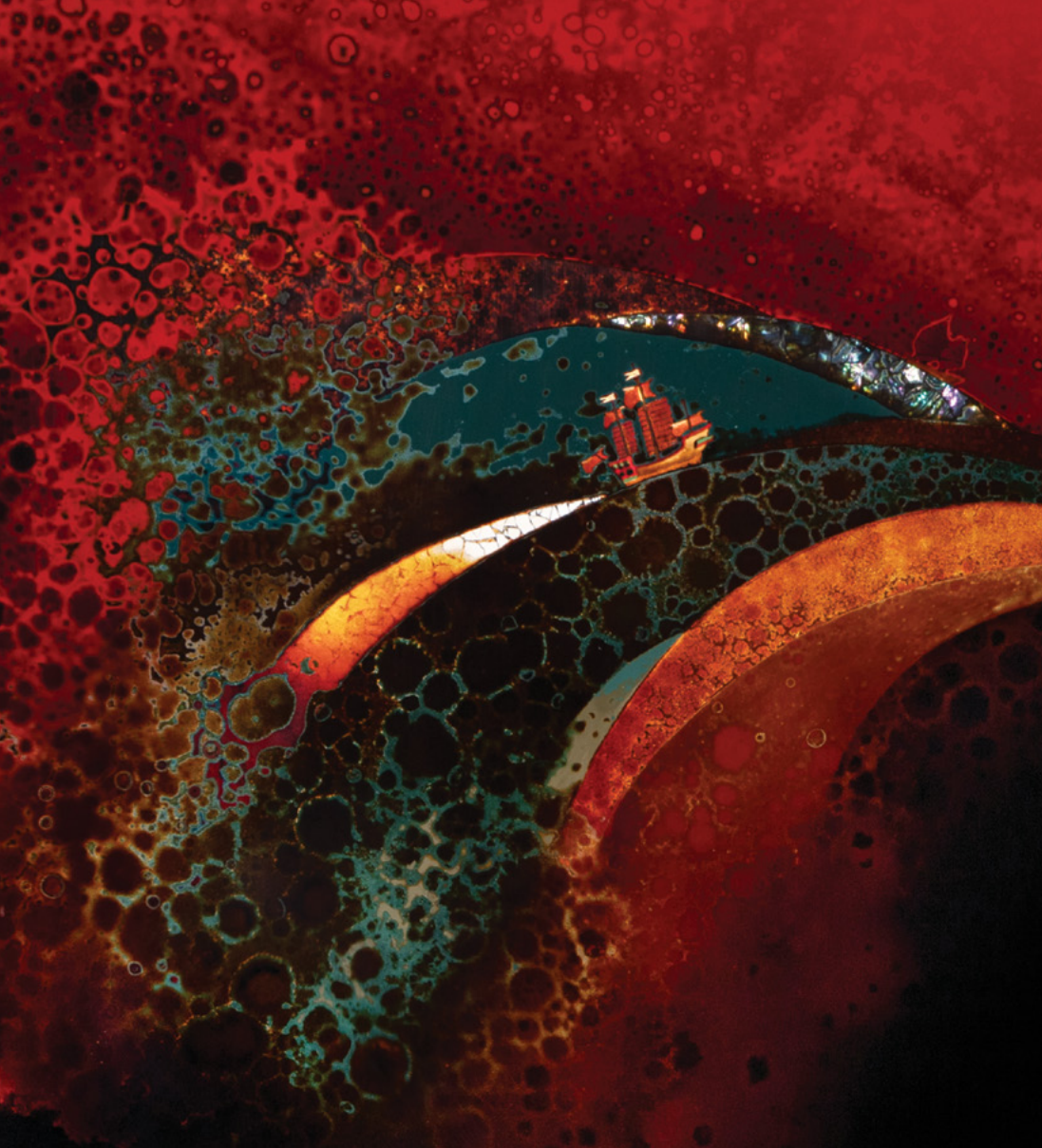
歴史考証 : ファン・ハイ・リン、友田博通、福川裕一、菊池誠一、安藤勝洋、本馬貞夫

統括プロデューサー : 古川直正

プロデューサー : チン・トゥン・リン、ファン・マイン・ドゥック、レ・ハ・ミー、
谷真琴、佐々木真二、足立信彦

企画協力 : 在ベトナム日本国大使館

協力 : 横浜みなとみらいホール (公益財団法人横浜市芸術文化振興財団)、KAJIMOTO、
GMO-Z.com RUNSYSTEM



Official website

Tiếng Việt



<https://anio-opera.vn>

日本語



<https://anio-opera.jp>